

Bản án số: 12/2022/HNGĐ- ST.

Ngày: 21/01/2022.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải;

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 21/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252A/2021/TLST – HNGĐ ngày 16/7/2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXX - ST ngày 05/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST - HPT ngày 22/11/2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 06/QĐST-TNPT ngày 22/12/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H - Sinh năm 1982."có mặt".

Địa chỉ: Thôn Tân Ngam, xã N N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Mạnh T - Sinh năm 1977."vắng mặt".

Địa chỉ: Thôn Tân Ngam, xã N N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 19/6/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Trần Thị H (nguyên đơn) trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Tôi và anh Tường lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã N N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên từ ngày 24/10/1998. Trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tường bỏ bê gia đình, không quan tâm đến ợ con, thường xuyên xảy ra cãi cọ, không quan tâm đến vợ con, đời sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, anh Tường bỏ nhà đi, không tu chí làm ăn. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Tường vẫn không chịu sửa chữa. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Tường.

2. *Về con chung:* Chị Hiền khai vợ chồng có 03 con chung là: Trần Mạnh Phương, sinh ngày 02/12/1999, Trần Mạnh Hoàng, sinh ngày 10/10/2003 và cháu Trần Bảo Trâm, sinh ngày 18/9/2012.

Chị Hiền có nguyện vọng xin được nuôi con, yêu cầu anh Tường phải cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng. Nhưng tại phiên tòa chị Hiền không yêu cầu anh Tường cấp dưỡng nuôi con.

Tại các bản tự khai ngày 19/7/2021 của ba cháu Phụng, Hoàng, Trâm đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Trần Mạnh T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, nhưng không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật như: Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để viết bản tự khai, cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn Trần Mạnh T không thực hiện và cũng không có ý kiến gì.

Tại Biên bản xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của UBND xã N N ngày 01/10/2021 đã xác định sau khi đăng ký kết hôn hai vợ chồng ở với nhau hạnh phúc, sau đó hai vợ chồng sống không hạnh phúc và sống ly thân nhau, anh Tường đã bỏ đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà thăm vợ con. Anh Tường đi làm việc gì thì không biết. Còn chị Hiền thì ở nhà bán hàng tạp hóa, thu nhập hàng tháng thì ổn định.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Mạnh T.

Chấp nhận yêu cầu của chị Hiền, giao con chung là cháu Trần Bảo Trâm, sinh ngày 18/9/2012 cho chị Hiền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

- Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Trần Thị H, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn; tranh chấp về nuôi con.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hiền xin ly hôn với anh Tường, anh Tường có hộ khẩu thường trú tại xã N N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Hiền và anh Tường kết hôn năm 1998, đến năm 2021 thì chị Hiền khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hiền và anh Tường lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do anh Tường thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến vợ con, dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau và dẫn đến hai người sống ly thân từ năm 2018, từ đó cho đến nay hai người không còn quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Hiền và anh Tường đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Hiền xác định tình cảm của mình đối với anh Tường không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị Hiền vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tường. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị Hiền khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hiền và áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Mạnh T.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 03 con chung là cháu: Trần Mạnh Phụng, sinh ngày 02/12/1999, Trần Mạnh Hoàng, sinh ngày 10/10/2003 và cháu Trần Bảo Trâm, sinh ngày 18/9/2012. Do cháu Phụng và cháu Hoàng đã thành niên và tự lo cuộc sống riêng nên việc ở với ai là do cháu tự quyết định.

Chị Hiền có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh Tường phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại các bản tự khai ngày 19/7/2021 của ba cháu Phụng, Hoàng, Trâm đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Tuy nhiên hai cháu Phụng và Hoàng đều đã trưởng thành nên hai cháu tự quyết định việc ở cùng với bố hay ở cùng với mẹ đều được, còn cháu Trâm sinh năm 2012 có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị Hiền và cháu là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hiền và giao cháu Trâm cho chị Hiền trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hiền không yêu cầu anh Tường cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0000948 ngày 16/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, chị Hiền đã nộp đủ án phí DSST.

Đối với bị đơn Trần Mạnh T không có ý kiến gì và cũng không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ

bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Trần Mạnh T.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

- Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

1- Tuyên xử: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Mạnh T.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Hiền, giao con chung là cháu Trần Bảo Trâm, sinh ngày 18/9/2012 cho chị Hiền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Hiền không yêu cầu anh Tường phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300. 000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0000948 ngày 16/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, chị Hiền đã nộp đủ án phí DSST.

5- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKS huyện Đ B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã N N;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Quang Khải

Lường Văn Lương

Nguyễn Thị Tâm

